

Bản án số: **04/2024/KDTM-PT**

Ngày: 22-3-2024

*V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Nguyễn Tấn Tăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/01/2024, ngày 27/02/2024 và ngày 22/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2023/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần X;

Địa chỉ: Số C, đường T, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu P, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc E, sinh năm 1978 (có mặt);
Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (theo Giấy ủy quyền số 06/GUQ/BMC ngày 15/01/2024).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần E1;

Địa chỉ: Số A, Đường số C, khu T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hữu T, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trí K, sinh năm 1977 (có mặt); Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (theo Giấy ủy quyền số: 079/2024/UQ-TA ngày 28/02/2024).

3. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần E1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần X (viết tắt là Công ty CP X và X) có ký Hợp đồng số: 68A/HĐ.NMBT-2022 ngày 01/7/2022 với Công ty Cổ phần E1 (viết tắt là Công ty E1) về việc Công ty CP X và X cung cấp và thi công bơm bê tông thương phẩm cho công trình do Công ty E1 tổ chức thi công tại địa điểm công trình Trường Trung học phổ thông thành phố C (thuộc phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp). Trong suốt quá trình thực hiện cung cấp và thi công bơm bê tông tươi, hai bên đã tiến hành nghiệm thu bê tông thương phẩm và lập bản đối chiếu chi tiết giá trị thực hiện qua 06 đợt (có biên bản kèm theo), tổng giá trị Công ty CP X và X thực hiện cho Công ty E1 là 1.141.279.000 đồng. Giữa hai bên có thực hiện lập biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm và xuất hóa đơn giá trị gia tăng 06 lần cụ thể như sau: Lần 1, biên bản nghiệm thu ngày 22/7/2022, số tiền 10.935.000 đồng; Lần 2, biên bản nghiệm thu ngày 02/8/2022, số tiền 250.080.000 đồng; Lần 3, biên bản nghiệm thu ngày 25/8/2022, số tiền 42.170.000 đồng; Lần 4, biên bản nghiệm thu ngày 10/9/2022, số tiền 29.376.000 đồng; Lần 5, biên bản nghiệm thu ngày 02/12/2022, số tiền 592.185.000 đồng; Lần 6, biên bản nghiệm thu ngày 12/12/2022, số tiền 216.533.000 đồng. Công ty E1 đã thanh toán cho Công ty CP X vào các ngày 26/10/2022, thanh toán số tiền 250.080.000 đồng; ngày 02/12/2022, thanh toán số tiền 82.481.000 đồng; ngày 09/12/2022, thanh toán số tiền 7.533.000 đồng, tổng cộng số tiền thanh toán là 340.094.000 đồng. Công ty E1 còn nợ lại (1.141.279.000 đồng - 340.094.000 đồng) = 801.185.000 đồng. Qua nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền còn lại Công ty E1 đã làm bản cam kết vào ngày 15/3/2023, với nội dung: “Công ty Cổ phần E1 cam kết thanh toán khoản nợ 801.185.000 đồng cho Công ty CP X trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký”. Đến ngày 09/5/2023, Công ty E1 có chuyển trả cho Công ty CP X số tiền 300.000.000 đồng, Công ty E1 còn nợ lại số tiền (801.185.000 đồng - 300.000.000 đồng) = 501.185.000 đồng (năm trăm lẻ một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Công ty CP X khởi kiện yêu cầu Công ty E1 thanh toán cho Công ty CP X số tiền 501.185.000 đồng (năm trăm lẻ một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) và lãi suất 1,125%/tháng. Thời gian tính lãi từ ngày 28/12/2022 đến ngày 15/5/2023 là 04 tháng 17 ngày (501.185.000 đồng x 1,25% x 04 tháng 17 ngày) = 25.748.379 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi Công ty CP X yêu cầu Công ty E1 phải

trả là 526.933.379 đồng (năm trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng) và tiếp tục tính lãi cho đến khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thi hành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty CP X, ông Huỳnh Ngọc E trình bày: Công ty CP X yêu cầu Công ty E1 phải trả số tiền hàng chưa thanh toán là 501.185.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi là 05 tháng 17 ngày, cụ thể số tiền lãi là: $501.185.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 05 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 23.156.414 \text{ đồng}$, ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Công ty CP X chỉ cung cấp bê tông thương phẩm, giao hàng và nhận tiền thanh toán không liên quan gì đến việc nghiệm thu, bảo hành chất lượng công trình xây dựng. Công ty CP X đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu Công ty E1 thanh toán nợ và đã gửi các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến yêu cầu khởi kiện cho Công ty E1.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần E1 trình bày:

Giữa Công ty E1 và Công ty CP X và X có ký kết Hợp đồng số 68A/HĐ.NMBT-2022 về việc cung cấp và thi công bơm bê tông thương phẩm ngày 01/7/2022 và Phụ lục hợp đồng số 01.68A/PL-HĐ.22 ngày 20/7/2022. Vào năm 2022, ngoài hợp đồng nêu trên giữa hai Công ty không có ký kết hợp đồng nào khác, bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các bên chưa quyết toán xong hợp đồng, công trình chưa nghiệm thu, không biết được các bên đã thực hiện hợp đồng đến giai đoạn nào, vì phía nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho bị đơn, bị đơn không nhận được văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng vì thời gian quá ngắn, nên bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có liên quan đến hợp đồng và không đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để photo các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án. Những tài liệu, chứng cứ có liên quan bị đơn sẽ giao nộp khi lên cấp phúc thẩm, đề nghị Tòa án áp dụng các quy định về pháp luật xây dựng để giải quyết vụ án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X.

Buộc Công ty Cổ phần E1 trả cho Công ty Cổ phần X số tiền nợ gốc và lãi là 524.341.414 đồng (năm trăm hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại, trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần E1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 24.973.656 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng).

- Công ty Cổ phần X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.539.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012707 ngày 31/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 16/10/2023 bị đơn Công ty Cổ phần E1 không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét và giải quyết theo hướng tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần E1 là ông Lê Trí K trình bày: Hợp đồng số: 68A/HĐ.NMBT-2022 ngày 01/7/2022 vẫn còn hiệu lực, việc Công ty CP X đơn phương không thực hiện hợp đồng là sai; Số lượng 300m³ bị thất thoát nhưng không có thể hiện trong hồ sơ nghiệm thu; Do lỗi chất lượng hàng hóa, nên số tiền 420.000.000 đồng chưa được làm rõ để đối chiếu khấu trừ. Nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giải quyết theo hướng tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong phần tranh luận ông Lê Trí K đại diện của bị đơn thống nhất thỏa thuận với ông Huỳnh Ngọc E đại diện của nguyên đơn theo hướng bị đơn thống nhất trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty CP X và X là ông Huỳnh Ngọc E trình bày: Không thống nhất kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần E1, bởi lẽ các bên thực hiện hợp đồng là trên cơ sở Hợp đồng số: 68A/HĐ.NMBT-2022 ngày 01/7/2022 đã được nghiệm thu xong, không phát sinh thất thoát hàng hóa (số lượng bê tông tươi), nguyên đơn và bị đơn đã đối chiếu công nợ xong, nguyên đơn có xác định số tiền bị đơn còn nợ, phía bị đơn đã thống nhất số nợ là đúng và đã cam kết trả nợ. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận đại diện của nguyên đơn thống nhất thỏa thuận với đại diện của bị đơn về việc bị đơn tiếp tục trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần E1 thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa bản án sơ thẩm số: 07/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo hướng: Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần E1 và Công ty CP X và X; Công ty Cổ phần E1 có trách nhiệm trả cho Công ty CP X và VLXD Đồng Tháp số tiền mua hàng hóa còn thiếu 501.185.000 đồng và lãi suất 23.156.414 đồng (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 16/PB-VKS-DS ngày 22/3/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” là đúng quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn Công ty Cổ phần E1 không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc Công ty Cổ phần E1 nộp đơn kháng cáo đề ngày 02/10/2023 vào ngày 16/10/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Giữa Công ty CP X và Công ty E1 (còn viết tắt là hai bên hoặc các bên) thỏa thuận ký Hợp đồng số: 68A/HĐ.NMBT-2022 ngày 01/7/2022 và Phụ lục hợp đồng số: 01.68A/PL-HĐ.22 ngày 20/7/2022 về việc Công ty CP X và X cung cấp và thi công bơm bê tông thương phẩm cho công trình do Công ty E1 tổ chức thi công tại địa điểm công trình Trường Trung học phổ thông thành phố C (thuộc phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp). Trong suốt quá trình thực hiện cung cấp và thi công bơm bê tông tươi, hai bên đã tiến hành nghiệm thu bê tông thương phẩm và lập bản đối chiếu chi tiết giá trị thực

hiện qua 06 đợt, tổng giá trị Công ty CP X thực hiện cho Công ty E1 là 1.141.279.000 đồng. Công ty E1 đã thanh toán cho Công ty CP X số tiền 640.094.000 đồng, còn nợ lại số tiền 501.185.000 đồng. Nguyên đơn Công ty CP X yêu cầu bị đơn Công ty E1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ gốc là 501.185.000 đồng và tiền lãi là 23.156.414 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 524.341.414 đồng, còn bị đơn không thống nhất yêu cầu nguyên đơn cho rằng các bên chưa quyết toán xong hợp đồng, công trình chưa nghiệm thu, không biết được các bên đã thực hiện hợp đồng đến giai đoạn nào. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa trong giao dịch thương mại giữa các bên theo quy định tại Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty CP X, theo đó buộc bị đơn Công ty Cổ phần E1 trả cho Công ty Cổ phần X số tiền nợ gốc và lãi là 524.341.414 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đã ký Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng số: 01.68A/PL-HĐ.22 ngày 20/7/2022 (còn viết tắt là hợp đồng), việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung không trái pháp luật, cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận khi tham gia giao dịch. Nguyên đơn đã cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ như: các biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm, các hóa đơn giá trị gia tăng và Bản cam kết về việc thanh toán công nợ quá hạn vào ngày 15/3/2023 của Công ty E1 với nội dung: *“Hôm nay ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại Văn phòng Công ty Cổ phần E1, hai bên thống nhất như sau: Tổng cộng Công ty Cổ phần E1 phải thanh toán công nợ quá hạn cho Công Ty Cổ Phần X số tiền 801.185.000 đồng (tám trăm lẻ một triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Nay Công ty Cổ phần E1 cam kết thanh toán khoản nợ nói trên trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký. Công ty Cổ phần E1 cam kết thanh toán đúng hạn”*. Bản cam kết này đã được đại diện hợp pháp của hai bên ký tên và đóng dấu. Ngoài ra, sau khi ký Bản cam kết ngày 15/3/2023, nguyên đơn tiếp tục gửi văn bản số 123/ĐN-BMC ngày 05/5/2023 (thông báo lần 4 về việc yêu cầu thanh toán nợ bê tông) cho bị đơn, đến ngày 09/5/2023 Công ty E1 có chuyển thanh toán cho Công ty CP X số tiền 300.000.000 đồng, do đó Công ty E1 còn nợ số tiền 501.185.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán, đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và vi phạm cam kết.

Việc Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn Công ty E1 phải trả lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn Công ty CP X và X với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 28/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 05 tháng 17 ngày, cụ thể số tiền lãi là: 501.185.000 đồng x 0,83% x 05 tháng 17 ngày = 23.156.414 đồng. Xét thấy, trong hợp đồng các bên không thỏa thuận lãi suất nếu vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán tiền hàng. Tuy nhiên, căn cứ vào quy định tại Điều 306 Luật thương mại, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm

trả, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, nên Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ. Mặt khác, thời gian yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn (05 tháng 17 ngày) là ngắn hơn thời gian thực tế mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn (từ ngày 28/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2023 (8 tháng 24 ngày) ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm về lãi, xét thấy là có lợi cho bị đơn, sau khi xử sơ thẩm nguyên đơn cũng không kháng cáo yêu cầu tính lãi thêm, nên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi 23.156.414 đồng là có căn cứ.

Về thủ tục tố tụng, xét thấy Tòa án sơ thẩm đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn Công ty ECOCIM theo địa chỉ trụ sở chính của Công ty E1 tại số A, Đường số C, khu T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đều được ký nhận và hồi báo theo quy định. Đồng thời, theo Công văn số: 7165/ĐKKD-T6 ngày 31/8/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H, về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Công ty E1 và đính kèm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, thể hiện Công ty E1 có địa chỉ trụ sở chính tại số A, Đường số C, khu T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, đến nay Công ty chưa đăng ký giải thể. Vì vậy, người đại diện theo pháp luật của bị đơn cho rằng Công ty E1 không nhận được văn bản tố tụng của Tòa án là không có căn cứ. Nên Tòa án sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng trong giải quyết vụ án.

[4] Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty E1 thống nhất thỏa thuận với đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty CP X về việc bị đơn thống nhất trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo quyết định của bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận giữa các đương sự là không trái pháp luật, trên cơ sở tự nguyện, tạo sự hài hòa, tránh mâu thuẫn trong quan hệ giao dịch các bên, đồng thời cũng đảm bảo giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc bị đơn thống nhất có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét giải quyết.

[6] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần E1 về việc hủy bản án sơ thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm và ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc bị đơn thống nhất có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo quyết định của bản án sơ thẩm. Đồng thời điều chỉnh cách tuyên bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[7] Về án phí: Bị đơn Công ty Cổ phần E1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng. Do Tòa án sơ thẩm chỉ ra thông báo

cho bị đơn nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 300.000 đồng là không đúng mà phải là 2.000.000 đồng theo quy định của Điều 7 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên bị đơn có nghĩa vụ nộp bổ sung số tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 1.700.000 đồng.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần E1 về việc hủy bản án sơ thẩm;

2. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm;

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty Cổ phần E1 tại phiên tòa phúc thẩm về việc bị đơn thống nhất có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty CP X và X số tiền còn nợ theo quyết định của bản án sơ thẩm;

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 148, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 24, 50, 55, 306, 317 và Điều 319 Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X.

Công ty Cổ phần E1 có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần X và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp số tiền mua hàng hóa còn nợ gốc là 501.185.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 23.156.414 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 524.341.414đ (Năm trăm hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần E1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 24.973.656đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng).

- Công ty Cổ phần X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.539.000đ (Mười hai triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012707 ngày 31/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Công ty Cổ phần E1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Công ty Cổ phần E1 đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007026 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Công ty Cổ phần E1 phải nộp tiếp số tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi